

Số: /TBHH-CVHHBT

Lâm Đồng, ngày tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng vào, vũng quay tàu, khu nước trước bến cầu cảng 3.000 DWT và bến số 2 cầu cảng 30.000 DWT cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Vùng biển: Lâm Đồng.

Tên luồng: Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.

Xét Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 318/VTIP ngày 29/10/2025 của Công ty Cổ phần cảng Quốc tế Vĩnh Tân, kèm theo Bình đồ khảo sát độ sâu và các hồ sơ liên quan.

Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận thông báo về thông số kỹ thuật độ sâu luồng vào, vũng quay tàu, khu nước trước bến cầu cảng 3.000 DWT và bến số 2 cầu cảng 30.000 DWT cảng Quốc tế Vĩnh Tân như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát luồng vào, vũng quay tàu, khu nước trước bến cầu cảng 30.000 DWT:

1.1. Luồng vào, vũng quay tàu cầu cảng 30.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

1.1.1. Khu vực 1:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8'	11°18'44,3"N	108°48'54,7"E	11°18'40,6"N	108°49'01,1"E
8	11°18'43,4"N	108°48'54,9"E	11°18'39,7"N	108°49'01,3"E
9	11°18'30,0"N	108°48'53,3"E	11°18'26,3"N	108°48'59,7"E
N3	11°18'03,4"N	108°49'06,1"E	11°17'59,7"N	108°49'12,5"E
N2'	11°17'55,2"N	108°49'11,9"E	11°17'51,5"N	108°49'18,4"E
N4'	11°17'51,9"N	108°49'05,8"E	11°17'48,2"N	108°49'12,2"E
N4	11°18'01,5"N	108°49'01,9"E	11°17'57,8"N	108°49'08,3"E
10	11°18'28,1"N	108°48'49,1"E	11°18'24,4"N	108°48'55,5"E
11'	11°18'38,1"N	108°48'44,3"E	11°18'34,4"N	108°48'50,8"E
12'	11°18'42,5"N	108°48'45,7"E	11°18'38,8"N	108°48'52,2"E

- Xuất hiện các điểm có độ sâu từ 9,6 m đến 10,1 m như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
9,6	11°18'40,5"N	108°48'54,5"E	11°18'36,8"N	108°49'00,9"E
9,7	11°18'34,9"N	108°48'46,5"E	11°18'31,2"N	108°48'52,9"E
9,8	11°18'13,8"N	108°48'59,1"E	11°18'10,0"N	108°49'05,5"E
9,8	11°18'17,6"N	108°48'58,2"E	11°18'13,9"N	108°49'04,6"E
9,9	11°18'15,0"N	108°48'57,5"E	11°18'11,3"N	108°49'03,9"E
10,0	11°18'22,5"N	108°48'51,9"E	11°18'18,8"N	108°48'58,3"E
10,0	11°18'34,7"N	108°48'46,2"E	11°18'31,0"N	108°48'52,6"E
10,1	11°18'16,6"N	108°48'54,7"E	11°18'12,9"N	108°49'01,2"E

- Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu khu vực này được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 10,2 m.

1.1.2. Khu vực 2:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
N2'	11°17'55,2"N	108°49'11,9"E	11°17'51,5"N	108°49'18,4"E
N2	11°17'53,3"N	108°49'13,3"E	11°17'49,5"N	108°49'19,8"E
N1	11°17'42,6"N	108°49'35,8"E	11°17'38,9"N	108°49'42,2"E
N6	11°17'38,9"N	108°49'25,7"E	11°17'35,2"N	108°49'32,1"E
N5	11°17'47,5"N	108°49'07,5"E	11°17'43,8"N	108°49'14,0"E
N4'	11°17'51,9"N	108°49'05,8"E	11°17'48,2"N	108°49'12,2"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 12,1 m.

1.2. Khu nước trước bến số 2 cầu cảng 30.000DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
7	11°18'45,9"N	108°48'54,3"E	11°18'42,2"N	108°49'00,8"E
8'	11°18'44,3"N	108°48'54,7"E	11°18'40,6"N	108°49'01,1"E
12'	11°18'42,5"N	108°48'45,7"E	11°18'38,8"N	108°48'52,2"E
13'	11°18'44,3"N	108°48'46,3"E	11°18'40,5"N	108°48'52,8"E

- Xuất hiện dải cạn có độ sâu từ 9,3 m đến 11,0 m cách mép cầu cảng 5 mét.

- Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu khu vực này được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 11,1 m.

2. Trong phạm vi khảo sát luồng vào, vũng quay tàu, khu nước trước bên cầu cảng 3.000 DWT được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

2.1. Luồng vào cầu cảng 3.000 DWT

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
QT-4	11°18'37,2"N	108°48'55,6"E	11°18'33,5"N	108°49'02,0"E
BT-1	11°18'26,3"N	108°48'58,6"E	11°18'22,6"N	108°49'09,0"E
BP-1	11°18'27,0"N	108°49'02,0"E	11°18'23,3"N	108°49'08,4"E
QT-6	11°18'39,5"N	108°48'59,3"E	11°18'35,8"N	108°49'05,8"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 5,0 m.

2.2. Khu nước vũng quay tàu trước cầu cảng 3.000 DWT

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
KN2-3	11°18'46,2"N	108°48'55,5"E	11°18'42,5"N	108°49'01,9"E
KN3-3	11°18'46,5"N	108°48'56,9"E	11°18'42,8"N	108°49'03,4"E
KN3-2	11°18'50,6"N	108°48'56,0"E	11°18'46,8"N	108°49'02,5"E
QT-8	11°18'48,8"N	108°49'01,5"E	11°18'45,1"N	108°49'07,9"E
QT-7	11°18'45,3"N	108°49'02,2"E	11°18'41,6"N	108°49'08,7"E
QT-6	11°18'39,5"N	108°48'59,3"E	11°18'35,8"N	108°49'05,8"E
QT-4	11°18'37,2"N	108°48'55,6"E	11°18'33,5"N	108°49'02,0"E
KN2-2	11°18'43,3"N	108°48'54,3"E	11°18'39,6"N	108°49'00,7"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 4,1 m.

2.3. Khu nước trước bên cầu cảng 3.000 DWT

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
KN3-1	11°18'50,2"N	108°48'54,6"E	11°18'46,5"N	108°49'01,0"E
KN3-2	11°18'50,6"N	108°48'56,0"E	11°18'46,8"N	108°49'02,5"E
KN3-3	11°18'46,5"N	108°48'56,9"E	11°18'42,8"N	108°49'03,4"E
KN2-3	11°18'46,2"N	108°48'55,5"E	11°18'42,5"N	108°49'01,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 4,0 m.

Ghi chú: Truy cập nội dung Thông báo hàng hải tại địa chỉ <https://cangvuhanghaibinhthuan.gov.vn/> hoặc liên hệ trực tiếp với Công ty Cổ phần cảng Quốc tế Vĩnh Tân để biết thêm thông tin chi tiết./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Cty Cổ phần cảng Quốc tế Vĩnh Tân;
- Đại diện Tuy Phong;
- Danh sách nơi nhận kèm theo;
- Đăng website đơn vị;
- Lưu: VT, LKCHT-ATANHH (Đ.Trung).



Bình đồ số hóa

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Thuận

Danh sách nơi nhận kèm theo:

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân;
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;
- 3 Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng;
- 4 BCH. Bộ đội Biên phòng tỉnh Bình Thuận;
- 5 Các Cảng vụ Hàng hải;
- 6 Các Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- 7 Tổng Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- 8 Bảo đảm ATHH Nam Trung Bộ;
- 9 Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải miền Nam;
- 10 Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- 11 Trung tâm PHTKCN Hàng hải khu vực III;
- 12 Đài Thông tin Duyên hải Phan Thiết;
- 13 Xí nghiệp Khảo sát BD ATHH miền Nam;
- 14 Các doanh nghiệp cảng biển;
- 15 Các doanh nghiệp chủ tàu;
- 16 Các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;
- 17 Các tổ chức, cá nhân có liên quan.